

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
.....

LÝ LỊCH DI TÍCH
CHÙA TRUNG SƠN
XÃ TÁI SƠN- HUYỆN TỨ KỲ
TỈNH HẢI DƯƠNG

HẢI DƯƠNG, THÁNG 8 - 2010

LÝ LỊCH DI TÍCH
CHÙA TRUNG SƠN
XÃ TÁI SƠN - HUYỆN TỨ KỲ
TỈNH HẢI DƯƠNG

I - LÝ LỊCH DI TÍCH:

- Tên thường gọi: Chùa Trung Sơn
- Tên nôm: Chùa Tó
- Tên tự: Tổ Quang tự

Chùa Trung Sơn là di tích lịch sử - văn hoá thuộc thôn Trung Sơn, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Di tích nằm tại thôn Trung Sơn nên nhân dân gọi tên chùa theo địa danh. Ngoài ra, chùa còn có tên là chùa Tó, đây là cách gọi nôm của nhân dân.

Cùng với các tên gọi trên, chùa còn được gọi theo tên tự là Tổ Quang tự tức chùa Tổ Quang.

II - ĐỊA ĐIỂM PHÂN BỐ VÀ ĐƯỜNG ĐI ĐẾN DI TÍCH:

1 - Địa điểm phân bố:

Di tích nằm tại đầu thôn Trung Sơn, mặt tiền quay hướng Đông Nam, phía trước là giếng đình. Phía Tây giáp đường và khu dân cư, phía Bắc giáp khu dân cư và phía Tây Bắc giáp cánh đồng lúa.

Di tích nằm trên một mảnh đất cao ráo, thoáng rộng, cảnh quan đẹp và có hướng phát triển tốt.

*** Vài nét về xã Tái Sơn:**

Vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, Trung Sơn là một thôn của xã Ngọc Tái, tổng Phan Xá, phủ Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Xã Ngọc Tái có 3 thôn: Thượng Sơn, Trung Sơn và Ngọc Chấn. Sau cách mạng tháng 8 năm 1945, các xã chuyển thành thôn và đơn vị tổng bị bãi bỏ, xã Ngọc Tái chuyển thành thôn và sáp nhập với thôn Thiết Tái, lập nên xã mới lấy tên là xã Tái Sơn. Xã Tái Sơn hiện nay gồm có 4 thôn: Thiết Tái (còn gọi là làng Táy), Thượng Sơn (còn gọi là Tó Thượng), Trung Sơn (còn gọi là Tó Trung) và Ngọc Chấn (còn gọi là Ngọc Đường).

Căn cứ vào bản đồ hành chính tỉnh Hải Dương năm 1997, xã Tái Sơn có vị trí địa lý như sau:

- Phía Đông giáp xã Bình Lãng
- Phía Tây giáp xã Ngọc Kỳ

- Phía Nam giáp xã Tân Kỳ
- Phía Bắc giáp xã Hưng Đạo

Xã Tái Sơn có diện tích tự nhiên là 349,21ha, trong đó đất thổ cư 29ha, dân số 3699 người. Riêng thôn Trung Sơn có diện tích 27ha, dân số 972 người, 246 hộ (tính đến tháng 1 năm 2010). Đời sống của nhân dân sống chính bằng nghề nông nghiệp trồng lúa nước, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Ngoài ra, còn các nghề phụ khác như nghề mộc, kinh doanh dịch vụ, thuê ren...

Tái Sơn là một địa phương có nhiều di tích lịch sử- văn hoá, trải qua thời gian và chiến tranh tàn phá, hiện nay toàn xã còn các công trình tín ngưỡng: Chùa Thiết Tái, đình Thiết Tái (thôn Thiết Tái); chùa Trung Sơn (thôn Trung Sơn); miếu Ngọc Chấn (thôn Ngọc Chấn); chùa Thượng Sơn, miếu Thượng Sơn, đình Thượng Sơn (thôn Thượng Sơn). Những di tích bị tàn phá nhân dân đang từng bước khôi phục lại, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng của nhân dân.

2 - Đường đi đến di tích:

Về thăm di tích chùa Trung Sơn, du khách có thể xuất phát từ trung tâm thành phố Hải Dương theo đường 391 đi Tứ Kỳ khoảng 12km, rẽ phải vào xã Tái Sơn, đi tiếp khoảng 2km rẽ phải vào thôn Trung Sơn - nơi có di tích.

Toàn tuyến đường dài 14km được rải nhựa toàn phần, rộng rãi, phù hợp với mọi phương tiện giao thông như ô tô, xe đạp, xe máy...

III - SỰ KIỆN, NHÂN VẬT ĐƯỢC THỜ VÀ THUỘC TÍNH CỦA DI TÍCH:

1 - Nhân vật được thờ:

Như nhiều ngôi chùa làng của người Việt tại đồng bằng Bắc Bộ, chùa Trung Sơn là nơi thờ Phật theo thiên phái Đại Thừa. Đây là dòng thiên "Lấy cái đại chúng, lấy lòng từ bi bác ái mà tu tập, không chỉ để cứu mình mà còn để cứu cho nhiều người khác. Phái Đại Thừa không chỉ thờ Phật Thích Ca còn thờ nhiều Đức Phật khác trong đời Quá khứ - Hiện tại - Vị lai.

2 - Lược sử di tích:

Căn cứ vào bia ký, kết quả khảo sát, điền dã, nghiên cứu tại di tích và theo ý kiến của các cụ cao niên tại địa phương cho biết, chùa Trung Sơn xưa được xây dựng vào thời Nguyễn, trùng tu vào năm 1927, kiến trúc kiểu chữ Đinh (J) gồm 5 gian tiền đường và 3 gian hậu cung, chất liệu chủ yếu bằng gỗ lim, mặt tiền quay về hướng Tây (theo quan niệm của

các tín đồ phật tử: Đó là hướng "Tây phương cực lạc" hướng về nơi khởi nguồn của đạo phật). Tương truyền, chùa nằm trên thế đất hình con rồng, mắt rồng là hai giếng chùa, thân và đuôi rồng là con đường chạy từ chùa ra cánh đồng Giếng.

Sau chùa có 5 gian nhà tổ và 5 gian nhà tạo soạn, chất liệu bằng tre, gỗ, mái lợp gianh. Phía Bắc chùa có 3 ngôi tháp thờ các vị sư trụ trì tại chùa qua các thời kỳ, sau khi các sư qua đời được nhân dân quy tập vào lăng tháp. Đó là các nhà sư: Thích Tâm Thịnh, Thích Tâm Đồn và Thích Tâm Huệ, trong đó sư cụ Thích Tâm Đồn được suy tôn là sư tổ. Lai lịch các nhà sư đến nay đều thất truyền, chỉ còn lại pháp danh ghi nhận tại lăng tháp hợp táng.

Trước chùa có cổng tam quan uy nghi, xung quanh di tích 3 mặt là ao và giếng bao bọc. Cảnh quan đẹp và có nhiều cây cổ thụ.

Năm 1947, do khu chùa chính bị xuống cấp nặng nên nhân dân địa phương đã tháo dỡ và dựng lại ngôi chùa ở vị trí cũ nhưng mặt tiền quay về hướng Đông Nam với quy mô nhỏ gồm 3 gian tiền đường và 3 gian hậu cung, kiểu chữ Đinh (J).

Năm 1949, 5 gian nhà tổ và 5 gian nhà tạo soạn bị thực dân Pháp đốt. Hai công trình này cho đến nay vẫn chưa khôi phục lại được. Cũng trong năm này, 3 ngôi tháp bị trúng đạn pháo của thực dân Pháp, nhân dân đã thu hài cốt của ba vị sư để ở sau chùa và tới năm 2002 xây dựng 3 ngôi tháp mới ở phía trước chùa.

Năm 2007, hệ thống cột quân của toà hậu cung bị xuống cấp, nhân dân địa phương đã gia cố bằng cột bê tông. Công trình hiện nay khá vững chãi.

Trong khuôn viên di tích hiện nay còn có một ngôi đình nhỏ nằm ở phía trước chùa, thờ Thành hoàng làng là Việt Vinh Lang hoàng tử con vua Lý Thái Tông, mái lợp proximãng, kiến trúc đơn giản. Đình cũ nằm tại trung tâm thôn Trung Sơn (cách chùa Trung Sơn 500m về hướng Đông Nam). Đây là một ngôi đình đẹp, chất liệu chủ yếu bằng gỗ lim, có nhiều bức chạm khắc nghệ thuật, mái lợp ngói mũi. Năm 1949, thực hiện tiêu thổ kháng chiến, 5 gian đại bái bị giải hạ để lấy nguyên vật liệu xây dựng hầm phục vụ kháng chiến, chỉ còn lại 2 gian hậu cung. Tới năm 1961, 2 gian hậu cung cũng bị tháo dỡ để lấy nguyên vật liệu làm hợp tác xã. Năm 1997, nhân dân địa phương đã xây dựng một ngôi đình tạm trong khuôn viên của chùa Trung Sơn làm nơi thờ tự. Tại hậu cung đình

có ngai và bài vị thờ Thành hoàng, một sắc phong ngày 26 tháng 8 năm Bảo Đại thứ 8 (1933).

3 - Phong tục lễ hội:

Cũng như những ngôi chùa ở miền Bắc, chùa Trung Sơn có đầy đủ lễ tiết trong năm, tính theo âm lịch gồm:

- Ngày 15 tháng Giêng hàng năm là ngày lễ thượng nguyên
- Ngày 21 tháng 1 giỗ sư tổ Thích Tâm Đồn
- Ngày 15 tháng 2 giỗ cụ Thích Tâm Thịnh
- Mồng 8 tháng 4 ngày Phật đản và giỗ cụ Thích Tâm Huệ
- Ngày 15 tháng 7 lễ Vu lan (lễ xá tội vong nhân)

Ngoài ra, tại đây còn có nhiều trò chơi dân gian như chọi gà, đi cầu thùm, bịt mắt đánh trống... được tổ chức vào ngày 21 tháng 1, thu hút đông đảo quần chúng tham gia.

IV - KHẢO TẢ DI TÍCH:

Chùa Trung Sơn có kiến trúc kiểu chữ Đinh (J), gồm 3 gian tiền đường và 3 gian hậu cung nối liền nhau tạo thành không gian thờ tự khép kín. Mặt tiền quay về hướng Đông Nam.

Toà tiền đường dài 8,95m, rộng 4,65m, gồm 4 vì kèo liên kết với nhau, chất liệu bằng gỗ tứ thiết. Hai vì kèo gian trung tâm có kiến trúc kiểu kẻ chuyên, chồng rường, hai vì kèo áp tường lại có kiến trúc kiểu kẻ chuyên, con chồng thước thợ.

Các vì kèo là hệ thống giằng ngang của toàn bộ công trình. Ngoài hệ thống giằng ngang, hệ thống tiền đường còn có hệ thống giằng dọc, liên kết các vì kèo, đó là hệ thống tàu, lá mái, xà thượng, xà hạ, gộp mái... Đặc biệt, hệ thống hoành được bài trí theo lối "thượng tứ, hạ ngũ" khá chắc chắn. Các hoành vuông được soi chỉ bào nhẵn, các hoành tròn được tạo dáng thon đều.

Phần nề ngoã: Móng, tường xây bằng gạch chỉ, mái lợp ngói mũi truyền thống. Bờ nóc được đắp nổi biển tự với ba chữ Hán. Bờ cánh có 3 trụ đầu tượng trưng cho 3 thời của nhà Phật: Quá khứ, hiện tại, vị lai.

Ba gian hậu cung dài 4,95m, rộng 5,7m gồm 4 vì kèo có kiến trúc giống nhau kiểu chồng rường. Tại vì nách của vì kèo thứ hai có 2 bức chạm liên hoàn thay thế các con thuận theo đề tài lá hoá long. Móng, tường xây bằng gạch chỉ, mái lợp ngói mũi.

*** Bài trí thờ tự:**

Do yêu cầu thờ tự của thiên phái Đại Thừa, chùa Trung Sơn có các lớp tượng thờ từ trong ra ngoài.

a) Tiền đường:

Bên trái của hồi tiền đường là ban thờ Đức Ông. Tượng Đức Ông chất liệu gỗ, niên đại thời Nguyễn, mặc triều phục, đầu đội mũ cánh chuồn chéo (võ quan), tư thế ngồi trên bệ vuông giạt cấp. Chân đi hia đen mũi cong có hoa cúc mãn khai. Theo Kinh Phật, Đức Ông chính là Cấp Cô Độc người giàu tâm đức đã hiến ruộng đất cho Thích Ca để hành đạo, sau này trở thành thần Thổ Địa, được Phật giao cho cai quản tài sản của chùa. ở Việt Nam có phong tục những đứa trẻ nào khó nuôi thường "*bán khoán*" cho chùa, tức là bán cho Đức Ông, nhận ngài làm cha đỡ đầu. Bên phải hồi tiền đường là ban thờ Thánh Hiền, hai bên là hai pho tượng Quan Văn và Quan Võ, chất liệu gỗ, niên đại thời Nguyễn. Tượng Thánh Hiền ngồi trên bệ vuông giạt cấp, mặc áo cà sa, đầu đội mũ thất phật. Đức Thánh Hiền còn được gọi là Thánh Tăng. Theo sách Tượng khí thì bên phải Tiểu Thừa thờ một vị đại đệ tử của Phật là Kiều Trần Như hoặc Đại Ca Diếp. Theo sách, Thánh Tăng được thờ ở Tăng đường song ở đây được thờ tại tiền đường⁽¹⁾. Góc tường hồi bên phải là ban thờ Địa Tạng (tượng mới).

Tiếp theo là hệ thống tượng chùa Trung Sơn tập trung tại gian chính điện. Tại đây có 5 lớp tượng thờ được bài trí như sau:

b) Thượng điện:

- Lớp thứ nhất: Gồm ba pho tượng Tam Thế.

Ba pho tượng Tam Thế: Quá Khứ, Hiện Tại, Vị Lai (tượng mới). Về mặt tạo hình khá giống nhau, tư thế ngồi trên toà sen. Tam Thế là tổng hợp hết thấy chư Phật ở đời, tức là chỉ chung cho các cõi Phật trong thời gian, cho nên để cao, xa bên trong⁽²⁾. Kinh Phật cho rằng tương ứng với Tam Thế ở thời Hiện Tại là Phật Thích Ca, với Quá Khứ là Phật A Di Đà, với Tương Lai là Phật Di Lặc⁽³⁾.

- *Lớp thứ hai:* Tượng A Di Đà (tượng mới)

A Di Đà Phật có nghĩa là vô lượng thọ (sống lâu vô cùng), cũng lại có ý nghĩa vô lượng quang (sáng suốt vô cùng). Theo giáo lý nhà Phật thế giới mà con người đang sống là cõi sa bà, tức là uế thổ, cõi đất không trong sạch, nơi đây con người phải chịu nhiều khổ ải, phiền não. Về phía Tây cõi sa bà này, vượt qua hàng vạn, triệu thế giới gọi là cực lạc, dân gian hay gọi là Tây phương cực lạc, ở đây Phật A Di Đà làm giáo chủ, đang thuyết pháp để hoá độ chúng sinh. Tượng ngồi trong tư thế toạ thiền hay thuyết pháp trên đài sen. Tóc xoáy ốc, đầu để lộ đỉnh, không đội mũ. Khuôn mặt đôn hậu, mắt nhìn xuống như đang suy tư.

(1): Đạo Phật và thế gian - NXB Hà Nội - 1998.

(2). Bùi Biên Hoà - Đạo Phật và Thế gian - NXB Hà Nội 1998.

(3). Nguyễn Thế Long - Phạm Mai Hùng: Chùa Hà Nội - NXB Văn hoá TT - Hà Nội - 1997.

- **Lớp thứ ba:** Gồm ba pho, từ trái sang phải) gồm: Bắc Đẩu, Ngọc Hoàng và Nam Tào (tượng mới). Tượng Nam Tào và tượng Bắc Đẩu, tạo hình nghệ thuật khá giống nhau. Tượng Ngọc Hoàng, đầu đội mũ bình thiên, râu ba chòm, mặc áo hoàng bào.

- **Lớp thứ tư:** Gồm toà Cửu Long (mới) - Nhóm tượng diễn tả sự tích Thích Ca Mâu Ni lúc mới sinh có 9 con rồng phun nước tắm cho ngài. Tắm xong ngài tự đi được bảy bước về phía trước, tay trái chỉ lên trời, tay phải chỉ xuống đất nói "**Thiên thượng, địa hạ, duy ngã độc tôn**" (trên trời, dưới đất, chỉ có một ta là tôn quý hơn). Xong ngài lại nằm xuống kiểu như con trẻ.

Toà Cửu Long được tạo hình nghệ thuật thành nhiều lớp tượng thờ khá sinh động. Giữa toà Cửu Long có tượng Thích Ca sơ sinh (tượng chất liệu gỗ, niên đại thời Nguyễn) tạo hình một bé trai (hài nhi) đứng trên toà sen, 9 con rồng vây bọc châu vào trên đầu và ba mặt sau lưng ngài, trên những đám mây có đủ chư Phật, chư thiên, thiên nữ, nhã nhạc, cờ phướn và bát bộ kim cương.

- **Lớp thứ năm:** Gồm 2 pho tượng Bồ Đề Đạt Ma và Bà chúa Ba

Tượng Bồ Đề Đạt Ma theo lịch sử Phật giáo thì sau khi đức Phật Thích Ca nhập diệt, ngọn đèn Phật giáo ở Tây Thổ được 28 vị Tổ kế tiếp truyền thừa thắp sáng, Vị Tổ thứ 28 chính là Bồ Đề Đạt Ma, dịch ý là "Đạo Pháp".

Ngoài ra, tại góc hồi bên trái và bên phải của thượng điện có hai ban thờ. Bên hồi trái là ban thờ Mẫu, hai bên là tượng cô Quỳnh, cô Quế. Bên hồi phải là tượng (không rõ tên).

Để không gian thờ tự thêm phần thiêng liêng, trang trọng tại toà thượng điện và tiền đường được treo 5 bức đại tự và 6 đôi câu đối ca ngợi đạo pháp và đức Phật. Xin nêu nội dung của một bức đại tự và một đôi câu đối (nội dung các bức đại tự và câu đối còn lại xin xem trong tài liệu Hán nôm).

Đại tự:

Phiên âm: Từ bi quảng đại

Dịch nghĩa: Lòng nhân từ và tình thương yêu của Phật bao la rộng lớn.

Câu đối:

Phiên âm: Sắc cảnh huy hoàng cầu đức Phật

Linh đài xán lạn niệm Thích Ca

Dịch nghĩa: Cảnh đẹp huy hoàng cầu đức Phật

Đài thiêng rục rỡ niệm kính Thích Ca

Qua khảo sát các pho tượng trong chùa Trung Sơn như tượng Đức Ông, Thánh Hiền, Bồ Đề Đạt Ma, Bà chúa Ba...có kích thước vào loại trung bình, một số pho như tượng Mẫu, cô Quỳnh, cô Quế, Quan Văn, Quan Võ...có kích thước khá nhỏ. Kỹ thuật tạc tượng đạt trình độ nghệ thuật cao, các pho tượng ở đây, mỗi vị một vẻ, biểu hiện tính cách riêng trong Phật pháp. Chất liệu đều bằng gỗ tốt.

V - THỐNG KÊ CỔ VẬT, DI VẬT TẠI DI TÍCH:

Mặc dù trải qua năm tháng và chiến tranh, bằng ý thức trân trọng bảo vệ di sản văn hoá và sự hảo tâm công đức của nhân dân, đến nay tại di tích còn lưu giữ được khá nhiều hiện vật, cổ vật có giá trị lịch sử như sau:

1 - Chất liệu gỗ:

- Tượng A Di Đà:	1 pho (TK 19)
- Tượng Nam Tào:	1 pho (TK 19)
- Tượng Ngọc Hoàng:	1 pho (TK 19)
- Tượng Bắc Đẩu:	1 pho (TK 19)
- Tượng Bà chúa Ba:	1 pho (TK 19)
- Tượng Bồ Đề Đạt Ma:	1 pho (TK 19)
- Tượng Thánh Hiền:	1 pho (TK 19)
- Tượng Quan Văn:	1 pho (TK 19)
- Tượng Quan Võ:	1 pho (TK 19)
- Tượng Mẫu:	1 pho (TK 19)
- Tượng Cô Quỳnh:	1 pho (TK 19)
- Tượng Cô Quế:	1 pho (TK 19)
- Tượng (không rõ tên):	1 pho (TK 19)
- Tượng Thích Ca sơ sinh:	1 pho (TK 19)
- Đại tự:	5 bức (mới)
- Câu đối:	6 đôi (mới)

2 - Chất liệu đá:

- Bia: *Bản tự bi ký - Hoàng triều Tự Đức* (2 mặt)
- Niên hiệu: Ngày 21 tháng 10 năm Tự Đức thứ 21 (1868).
- Kích thước: (135 x 81 x 23) cm; khoảng 700 chữ hơi mờ.
Bia hình dẹt, đỉnh vòm, trán và xung quanh trơn.

- Nội dung: Quan viên hương lão sắc mục thượng hạ đẳng toàn thôn Trung, xã Ngọc Tái dựng bia ghi việc: Bản thôn tu tạo chùa Phật, dân thôn xã đóng góp công đức rất nhiều. Công việc hoàn thành, khắc ghi họ tên những người công đức cùng số tiền và ruộng cúng tiến vào chùa tại các xứ đồng để lưu truyền mãi mãi.

3 - Chất liệu đồng:

- Chuông đồng: 1 quả

- Niên hiệu: Ngày 15 tháng 11 năm Giáp Dần - niên hiệu Tự Đức thứ 7 (1854).

- Đặc điểm: Cao: 85 cm; đường kính miệng: 40 cm;

- Nội dung: Dân chúng xã Văn Thai, huyện Cẩm Giàng, phủ Bình Giang có Thiện sĩ Hà Thế Khanh, Phạm Văn Tam, Ngô Văn Án v.v..... đóng góp công đức hưng công đúc chuông, khắc ghi họ tên những người công đức để lưu truyền mãi mãi.

VI- GIÁ TRỊ LỊCH SỬ, KHOA HỌC VÀ PHÂN LOẠI DI TÍCH:

Chùa Trung Sơn là di tích lịch sử được xây dựng vào thời Nguyễn (TK 19), công trình hiện nay được khôi phục vào năm 1947, chất liệu chủ yếu bằng gỗ tứ thiết chắc chắn, thờ Phật theo thiên phái Đại thừa, đây là thiên phái phổ biến của các ngôi chùa ở miền Bắc Việt Nam. Di tích được quy hoạch gọn gàng, cảnh quan đẹp và có hướng phát triển trong tương lai.

Hiện nay, khu di tích còn lưu giữ được nhiều pho tượng chất liệu gỗ, niên đại vào thời Nguyễn, có giá trị về mặt tạo hình và nghệ thuật. Đặc biệt là 1 tấm bia đá khắc vào năm Tự Đức 21 (1868), 1 quả chuông đồng tạo vào năm Tự Đức 7 (1854), đây là nguồn tư liệu chính xác cần được nghiên cứu và bảo tồn lâu dài.

Từ nội dung giá trị nêu trên, chúng tôi thống nhất đề nghị UBND tỉnh xếp loại di tích chùa Trung Sơn, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ thuộc loại: DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT

VII - TRẠNG THÁI BẢO QUẢN DI TÍCH:

Những năm gần đây, bằng công sức, tiền của, chính quyền và nhân dân địa phương đã tu sửa nhiều hạng mục công trình, từng bước hoàn thiện, trả lại dáng vẻ ban đầu của khu di tích:

- Năm 1997: Tôn tạo toà hậu cung

- Năm 2002: Khôi phục 3 ngôi tháp sư

- Năm 2007: Lát nền

- Năm 2008: Xây dựng tường bao quanh giếng chùa

Hiện nay, khu di tích đã có Ban nội tự do thôn cử ra, bà Trần Thị Hải Yến làm Trưởng ban, các thành viên hoạt động tích cực. Ban quản lý luôn được củng cố và điều hành việc tu sửa cũng như hoạt động tín ngưỡng và tích cực kêu gọi mọi tầng lớp nhân dân giữ gìn và tôn tạo khu di tích. Tuy nhiên, cần có kế hoạch bảo vệ các cổ vật, không để đồ thờ tự hoặc tài sản bị mất mát, hư hỏng, thất lạc. Trong thời gian tới khi chùa Trung Sơn được xếp hạng, UBND xã sẽ tăng cường sự lãnh đạo, chắc chắn việc giữ gìn, phát huy tác dụng của di tích sẽ tốt hơn.

VIII - PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ VÀ SỬ DỤNG DI TÍCH:

- Trước hết là củng cố Ban quản lý di tích, đề cao tinh thần bảo vệ, giữ gìn và phát huy tốt tác dụng của di tích. Khi được xếp hạng, UBND xã sẽ trực tiếp quản lý.

- Tiếp tục động viên nhân dân phát huy quyền làm chủ của mình trong lĩnh vực văn hoá, đồng thời xây dựng phương án tổ chức lễ hội, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân.

- Để thực hiện tốt việc bảo tồn di tích, địa phương cần có kế hoạch triển khai Luật Di sản văn hoá đã được nhà nước công bố ngày 12/7/2001, giáo dục toàn dân có ý thức bảo vệ di sản văn hoá của dân tộc, tiếp tục tu sửa di tích ngày một khang trang.

- Thực hiện tốt việc khoanh vùng, quy hoạch tổng thể toàn bộ khu di tích để phát triển di tích trong tương lai.

- Lập dự án tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp cho toàn khu di tích.

IX - CƠ SỞ PHÁP LÝ BẢO VỆ DI TÍCH:

Để bảo vệ di tích chùa Trung Sơn, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ cần phải dựa vào các cơ sở sau:

- Ngày 23 tháng 11 năm 1945, Hồ Chủ Tịch đã ký Sắc lệnh số 65 về việc “Bảo tồn cổ tích trên toàn cõi Việt nam”. Sắc lệnh nêu rõ: “Cấm phá huỷ đình, chùa, đền, miếu, bia ký, chiếu sắc, đồ vật, văn bằng, giấy má, sách vở có tính chất tôn giáo nhưng có ích cho lịch sử”.

- Ngày 19/10/1957, Thủ tướng Chính phủ đã ký Nghị định 519/TTG về việc bảo vệ di tích, ngăn chặn nạn trộm cắp cổ vật.

- Ngày 04/04/1984 nhà nước đã ban hành pháp lệnh “Bảo vệ, sử dụng di tích lịch sử văn hoá và danh lam thắng cảnh”.

- Ngày 12/07/2001 Nhà nước đã công bố Luật Di sản văn hoá số 09/2001/L-CTN. Luật đã được sửa đổi, bổ sung vào năm 2009.

- Ngày 11/11/2002, Chính phủ ban hành nghị định số 92/2002/NĐ-CP, về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Di sản văn hoá. Đây là các văn bản pháp lý cao nhất trong việc bảo tồn di tích, phát huy các di sản văn hoá Việt Nam.

- Ngày 19 tháng 5 năm 2004 UBND tỉnh ra Quyết định số 1987/QĐ - UBND v/v ban hành qui chế xếp hạng di tích lịch sử văn hoá cấp tỉnh.

Thực hiện các quy định của Luật Di sản văn hoá, căn cứ vào Quy chế xếp hạng và quản lý di tích lịch sử văn hoá danh lam thắng cảnh cấp tỉnh số 1987/QĐ- UBND ngày 19 tháng 5 năm 2004, căn cứ vào giá trị của di tích và nguyện vọng của cán bộ và nhân dân địa phương; Bảo tàng Hải Dương đã cử cán bộ chuyên môn, kết hợp với địa phương lập hồ sơ di tích chính thức đề nghị ủy ban Nhân dân tỉnh xếp hạng di tích nói trên. Trên cơ sở đó, địa phương mới có đầy đủ cơ sở pháp lý để bảo vệ, giữ gìn và phát huy tác dụng của di tích.

Tập hồ sơ này bao gồm:

- 1 - Lý lịch di tích.
- 2 - Tư liệu Hán Nôm.
- 3 - Tập ảnh khảo tả di tích và cổ vật.
- 4 - Tập bản vẽ kiến trúc di tích.
- 5 - Bản đồ chỉ dẫn đường đi đến di tích.
- 6 - Bản đồ khoanh vùng bảo vệ di tích.
- 7 - Biên bản khoanh vùng bảo vệ di tích.
- 8 - Tờ trình của Sở Văn hoá, Thể thao & Du lịch.
- 9- Đơn xin xếp hạng của UBND xã Tái Sơn.

X - TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Để hoàn thành tập hồ sơ này, chúng tôi đã tham khảo và trích lục một số tài liệu sau đây:

- Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ 19 - NXBKHXH, Hà Nội 1981.
- Niên biểu lịch sử Việt Nam:
- Văn khắc Hán Nôm tại di tích.
- Đạo Phật và Thế gian - NXB Hà Nội 1998.
- Văn hoá tâm linh - NXB VH TT - Hà Nội 2001.
- Vào chùa thăm Phật - NXB Công An Nhân Dân HN - 1991
- Bia ký, câu đối, đại tự tại di tích.

XI - CÁN BỘ NGHIÊN CỨU LẬP HỒ SƠ DI TÍCH:

- Chủ trì: Đặng Thị Thu Thơm
 - Điều đã, nghiên cứu, tra cứu, biên soạn lý lịch: Đặng Thị Thu Thơm
 - Đặc họa kiến trúc: Đặng Anh Dũng
 - Ảnh tư liệu: Mai Văn Phú
 - Tư liệu Hán Nôm: Nguyễn Thị Ngọc Lan
- Hồ sơ hoàn thành tháng 7 năm 2010.

SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO & DU LỊCH



**GIÁM ĐỐC
ĐANG VIỆT CƯỜNG**

BẢO TÀNG HẢI DƯƠNG



**PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN DUY CƯỜNG**